TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tác và ông Nông Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Du - Thư ký Viên -Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên toà: Bà Mạc Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 10/2023/HNGĐST- QĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

* Bị đơn: Anh Chu Văn H, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng chị Đặng Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị M và anh Chu Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn chị M và anh H chung sống tại thôn Bản B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2011 vợ chồng không hạnh phúc

nguyên nhân do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, anh H ít khi ở nhà với vợ con, đi chơi bời, đánh bạc, bán xe máy có giá trị trong gia đình, hút ma túy, không giúp gia đình làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Từ năm 2018 chị M về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để sinh sống, và chị M, anh H chính thức sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Chu Văn H.

Về con chung: Chị Đặng Thị M và anh Chu Văn H có 02 (hai) con chung tên là Chu Thị Kim O, sinh ngày 16/01/2011 và Chu Hoàng H1, sinh ngày 25/8/2013. Hai con hiện nay ở với chị M và bên ngoại tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn chị M đề nghị được nuôi 02 con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đặng Thị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Chu Văn H đã được Tòa án triệu tập, tiến hành các thủ tục giao-niêm yết văn bản đúng quy định nhưng vắng mặt không hợp tác và không gửi ý kiến cho Tòa án

Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh H và thông báo cho các bên đương sự về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên đương sự không tự thỏa thuận, thống nhất được tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Ngày 26/9/2023 chị Đặng Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Đặng Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với anh Chu Văn H. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án trong quá trình tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử, cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự tham gia tố tụng trong vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, đối với nguyên đơn chị Đặng Thị M chấp hành pháp luật tố tụng đầy đủ, đối với bị đơn anh Chu Văn H chấp hành pháp luật tố tụng không đầy đủ.

- Về nội dung vụ án đề nghị: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị M:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị M. Chị Đặng Thị M được ly hôn anh Chu Văn H.

+ Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên là Chu Thị Kim O, sinh ngày 16/01/2011 và Chu Hoàng H1, sinh ngày 25/8/2013 cho chị Đặng Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 02 (hai) con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Chu Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc nguyên đơn chị Đặng Thị M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 12/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh Chu Văn H và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn anh Chu Văn H vắng mặt, đồng thời nguyên đơn chị Đặng Thị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa theo Điều 207/BLTTDS. Nên Tòa án lập biên bản về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo Điều 208/BLTTDS. Ngày 31/8/2023 Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập xác định hộ khẩu thường trú hiện nay của anh Chu Văn H ở tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nên Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân thích của anh H theo Điều 175,177/BLTTDS, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương theo Điều 179/BLTTDS, chị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị M theo Điều 227, 228/BLTTDS.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị M và anh Chu Văn H có tìm hiểu tình cảm, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có tự nguyện đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị M và anh H có nhiều mâu thuẫn, gia đình không hạnh phúc, nguyên nhân được xác định là do anh H thường bỏ nhà đi, không quan tâm vợ con, chăm lo kinh tế gia đình dẫn đến việc anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Kể từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình tố tụng mặc dù Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục giao, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, xác minh về việc giải quyết vụ án, nhưng anh H không có ý kiến thể hiện quan điểm của mình về việc ly hôn, nuôi con chung. Điều đó cho thấy anh H cũng không có thiện chí quay về đoàn tụ cùng với chị M và các con.

Xét thấy chị Đặng Thị M đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh Chu Văn H và chị M là có căn cứ. Chị Đặng Thị M nhất quyết muốn được ly hôn anh H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị M xin được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nêu trên.

Về nuôi con chung: Xác định chị M và anh H có 02 con chung tên là Chu Thị Kim O, sinh ngày 16/01/2011 và Chu Hoàng H1, sinh ngày 25/8/2013. Từ khi chị M và anh H sống ly thân đến nay cả hai con chung đều đang ở với chị M và bà ngoại (tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn). Hiện nay hai con khỏe mạnh ăn, ở, học tập và phát triển bình thường, qua xác minh tại gia đình bà Bàn Thị H2 sinh năm 1973 trú tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì bà Bàn Thị H2 có ý kiến nếu vợ chồng M, H buộc phải ly hôn thật sự thì bà nhất trí cho 03 mẹ con Đặng Thị M, Chu Thị Kim O, Chu Hoàng H1 chung sống ở cùng nhà với gia đình bà H2 là đảm bảo các điều kiện ăn ở sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra hiện nay bà H2 còn trẻ khỏe có thể giúp chị M trông nom, chăm sóc 02 con của chị M, nếu chị M có nguyện vọng đi làm ăn xa được yên tâm. Qua xác minh, về tình trạng hôn nhân của anh Chu Văn H và chị Đặng Thị M, được bố mẹ anh H xác nhận: "Từ năm 2018 chị M cùng 02 con chuyển hộ khẩu về quê ngoại sinh sống tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đến nay, bố mẹ anh H có nhiều lần khuyên bảo, thuyết phục và mong muốn chị M, anh H quay về đoàn tụ nhưng chị M vẫn nhất quyết không về chung sống đoàn tụ cùng chồng…Hiện nay chị M không còn chung sống cùng anh H và cùng gia đình bố mẹ anh H. Nay chị M làm đơn đề nghị ly hôn anh H thì bố mẹ không có ý kiến gì…"

Nên xét về điều kiện nuôi con chung khi ly hôn chị M đề nghị được giao 02 con chung cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 02

con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của 02 con.

Do vậy, việc giao 02(Hai) con chung tên là Chu Thị Kim O, sinh ngày 16/01/2011 và Chu Hoàng H1, sinh ngày 25/8/2013 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Đặng Thị M là phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228/ Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị M xin được ly hôn anh Chu Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị M được ly hôn anh Chu Văn H.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên là Chu Thị Kim O, sinh ngày 16/01/2011 và Chu Hoàng H1, sinh ngày 25/8/2013 cho chị Đặng Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng : Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Chu Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đặng Thị M đã nộp theo biên lai số 0001449 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã Nghĩa Tá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Cạn